BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Số: 3899 /QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Bác sĩ Y học cổ truyền chương trình đào tạo chính quy (Đợt 2 – Năm 2026)

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 7 năm 2025 và Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5747/QĐ-HVYDCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2026;

Căn cứ biên bản cuộc họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2026;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2026, Trưởng phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Bác sĩ Y học cổ truyền chương trình đào tạo chính quy, đợt 2 năm 2026 cho 96 sinh viên (*Có tên trong danh sách kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng: Đào tạo đại học, Công tác chính trị và quản lý sinh viên, Tài chính kế toán; các phòng, ban liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (để b/c);
- Đăng website;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Huy

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2026

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHÓA: 2016, NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 3899 /QĐ-HVYDCT ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN		Điểm RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								Điểm TBC *Thang 4*	Điểm TBC *Thang 10*			
1	1652010072	Vũ Ngọc	Hải	Nam	01/03/1998	Phú Thọ	K2016A	2.13	6.26	70	Khá	Trung bình

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2026

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHÓA: 2017, NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 3899 /QĐ-HVYDCT ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN		Điểm RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								Điểm TBC *Thang 4*	Điểm TBC *Thang 10*			
1	1752010218	TRẦN THẠCH	AN	Nam	23/08/1999	Thành phố Hải Phòng	K2017C	2.08	6.03	78	Khá	Trung bình
2	1752010127	NGUYỄN LAN	ANH	Nữ	01/01/1999	Thanh Hóa	K2017B	2.01	6.14	83	Tốt	Trung bình
3	1752010290	TRIỆU QUANG	HIẾU	Nam	25/01/1999	Hưng Yên	K2017C	2.01	6.07	78	Khá	Trung bình
4	1752010329	TRẦN ĐÌNH	HOÀNG	Nam	11/01/1999	Hà Tĩnh	K2017C	2.02	6.27	81	Tốt	Trung bình
5	1752010390	HỒ QUANG	HUY	Nam	01/09/1999	Thành phố Hà Nội	K2017D	2.02	6.05	79	Khá	Trung bình
6	1752010344	ĐÀO PHƯƠNG	NGA	Nữ	30/09/1998	Hưng Yên	K2017D	2.02	6.21	80	Tốt	Trung bình
7	1752010406	TRẦN QUỐC	TUẤN	Nam	24/05/1999	Thành phố Hà Nội	K2017D	2.13	6.39	79	Khá	Trung bình

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2026

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHÓA: 2018, NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 3899 /QĐ-HVYDCT ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN		Điểm RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								Điểm TBC *Thang 4*	Điểm TBC *Thang 10*			
1	185115B142	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	Nữ	07/02/1999	Phú Thọ	K2018B	2.01	6.18	81	Tốt	Trung bình
2	185115D388	PHẠM TRUNG	KIÊN	Nam	01/09/2000	Tuyên Quang	K2018D	2.07	6.21	77	Khá	Trung bình
3	185115D409	NGUYỄN HƯNG	NGUYÊN	Nam	01/09/2000	Thành phố Hải Phòng	K2018D	2.01	6.26	83	Tốt	Trung bình
4	185115B222	ĐẶNG HỒNG THÁI	YÊN	Nam	13/05/2000	Quảng Ninh	K2018B	2.08	6.19	82	Tốt	Trung bình

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2026

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHÓA: 2019, NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 3899 /QĐ-HVYDCT ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN		Điểm RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								Điểm TBC *Thang 4*	Điểm TBC *Thang 10*			
1	195115B108	HỒ ANH	DŨNG	Nam	02/06/2001	Nghệ An	K2019B	2.01	6.22	81	Tốt	Trung bình
2	195115D401	Nguyễn Ngọc	Kỳ	Nam	16/12/2000	Tuyên Quang	K2019D	2.00	6.17	84	Tốt	Trung bình
3	195115E491	LÔ HOÀNG	VŨ	Nam	05/08/2001	Lạng Sơn	K2019E	2.01	6.16	84	Tốt	Trung bình

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2026

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHÓA: 2020, NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 3899 /QĐ-HVYDCT ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN		Điểm RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								Điểm TBC *Thang 4*	Điểm TBC *Thang 10*			
1	205115A027	LÊ THỊ LAN	ANH	Nữ	25/01/2002	Thanh Hóa	K2020A	2.03	6.15	84	Tốt	Trung bình
2	205115B155	NGUYỄN NGỌC	ANH	Nữ	19/08/2002	Ninh Bình	K2020B	2.51	6.98	82	Tốt	Khá
3	205115C257	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	Nữ	25/09/2002	Bắc Ninh	K2020C	2.52	6.90	87	Tốt	Khá
4	205115D359	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	Nữ	18/12/2002	Hưng Yên	K2020D	2.53	6.95	86	Tốt	Khá
5	205115C206	NGUYỄN TUẤN	ANH	Nam	16/07/2002	Thành phố Hà Nội	K2020C	2.51	6.88	84	Tốt	Khá
6	205115D307	PHẠM THỊ MAI	ANH	Nữ	13/02/2002	Ninh Bình	K2020D	2.53	6.82	84	Tốt	Khá
7	205115A054	TRẦN TUẤN	ANH	Nam	07/05/2002	Thanh Hóa	K2020A	2.10	6.34	81	Tốt	Trung bình
8	205115C258	VŨ XUÂN	ANH	Nam	09/06/2002	Thành phố Hải Phòng	K2020C	2.01	6.23	86	Tốt	Trung bình
9	205115B157	VÕ LÊ MINH	CHÂU	Nữ	19/06/2002	Quảng Ngãi	K2020B	2.00	6.16	84	Tốt	Trung bình
10	205115E461	NGUYỄN THỊ BÍCH	ĐÀO	Nữ	27/07/2002	Ninh Bình	K2020E	2.51	7.02	85	Tốt	Khá
11	205115D310	ĐỖ TIẾN	ĐẠT	Nam	02/03/1995	Ninh Bình	K2020D	2.72	7.20	84	Tốt	Khá
12	205115B133	LÊ TIẾN	ĐẠT	Nam	14/11/2002	Quảng Ninh	K2020B	2.32	6.72	79	Khá	Trung bình
13	205115D363	PHAN TRUNG	ĐẠT	Nam	25/01/2000	Hưng Yên	K2020D	2.00	6.16	89	Tốt	Trung bình
14	205115C285	BÙI HOÀNG	ĐIỆP	Nam	22/09/2002	Ninh Bình	K2020C	2.02	6.24	85	Tốt	Trung bình
15	205115A081	HOÀNG HỮU	DŨNG	Nam	30/07/2000	Nghệ An	K2020A	2.28	6.63	82	Tốt	Trung bình
16	205115A005	PHẠM THÙY	DƯƠNG	Nữ	07/02/2002	Quảng Ninh	K2020A	2.46	6.87	84	Tốt	Trung bình
17	205115B134	NGUYỄN THỊ	GIANG	Nữ	20/02/2002	Thành phố Hà Nội	K2020B	2.52	6.86	84	Tốt	Khá
18	205115A057	CAO THỊ THU	HÀ	Nữ	03/09/2002	Phú Thọ	K2020A	2.14	6.40	80	Tốt	Trung bình
19	205115D364	NGUYỄN ĐỨC HẢI	HÀ	Nữ	26/12/2002	Thành phố Hà Nội	K2020D	2.52	6.93	87	Tốt	Khá
20	205115A083	PHÙNG VIỆT	HÀ	Nữ	05/01/2002	Ninh Bình	K2020A	2.35	6.69	86	Tốt	Trung bình
21	205115C237	Nguyễn Thanh	Hậu	Nam	20/08/1986	Thành phố Hà Nội	K2020C	2.66	7.26	83	Tốt	Khá
22	205115C287	TẠ THỊ THU	HIỀN	Nữ	07/03/2001	Nghệ An	K2020C	2.03	6.18	86	Tốt	Trung bình
23	205115E411	BÙI TRUNG	HIẾU	Nam	09/09/2002	Lạng Sơn	K2020E	2.12	6.41	82	Tốt	Trung bình

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN		Điểm RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								Điểm TBC *Thang 4*	Điểm TBC *Thang 10*			
24	205115E435	NGUYỄN MINH	HIẾU	Nam	26/02/2001	Lào Cai	K2020E	2.31	6.55	85	Tốt	Trung bình
25	205115D365	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	Nam	18/12/2002	Hưng Yên	K2020D	2.21	6.55	87	Tốt	Trung bình
26	205115E495	LÊ VIỆT	HOÀNG	Nam	21/06/2001	Nghệ An	K2020E	2.20	6.39	87	Tốt	Trung bình
27	205115B164	CHU MINH	HƯNG	Nam	07/11/2001	Thành phố Hà Nội	K2020B	2.16	6.44	84	Tốt	Trung bình
28	205115D340	ĐOÀN THỊ KHÁNH	HUYỀN	Nữ	02/06/2002	Quảng Ninh	K2020D	2.16	6.44	86	Tốt	Trung bình
29	205115A061	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	Nữ	25/01/2002	Thành phố Hà Nội	K2020A	2.22	6.53	82	Tốt	Trung bình
30	205115D316	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HUYỀN	Nữ	11/08/2002	Điện Biên	K2020D	2.51	6.90	90	Xuất sắc	Khá
31	195115D323	NGUYỄN XUÂN	KHẢI	Nam	19/04/2000	Thanh Hóa	K2020C	2.50	6.82	83	Tốt	Khá
32	205115D392	NGUYỄN VIỆT	KHÁNH	Nam	28/12/2002	Thành phố Hà Nội	K2020D	2.15	6.46	84	Tốt	Trung bình
33	205115B139	TRẦN NGUYÊN	KHÔI	Nam	17/03/2002	Hưng Yên	K2020B	2.11	6.38	78	Khá	Trung bình
34	205115D317	ĐỒNG THỊ HƯƠNG	LIÊN	Nữ	11/12/2002	Thành phố Hà Nội	K2020D	2.37	6.68	90	Xuất sắc	Trung bình
35	205115E468	LÊ THỊ HỒNG	LIÊN	Nữ	10/04/2002	Ninh Bình	K2020E	2.56	7.02	87	Tốt	Khá
36	205115D343	BÙI NGỌC	LINH	Nữ	26/09/2002	Phú Thọ	K2020D	2.51	6.89	85	Tốt	Khá
37	205115D318	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	Nữ	13/08/2002	Ninh Bình	K2020D	2.00	6.10	88	Tốt	Trung bình
38	205115B116	VŨ HỒNG	LINH	Nữ	27/08/2002	Thành phố Hà Nội	K2020B	2.34	6.71	86	Tốt	Trung bình
39	205115E498	DƯƠNG TUẤN HOÀNG	LONG	Nam	22/08/2002	Bắc Ninh	K2020E	2.03	6.16	82	Tốt	Trung bình
40	205115A015	MAI VĂN	LONG	Nam	04/12/2002	Ninh Bình	K2020A	2.40	6.72	84	Tốt	Trung bình
41	205115B193	Hoàng Hải	Ly	Nữ	07/01/2001	Thái Nguyên	K2020B	2.02	6.19	83	Tốt	Trung bình
42	205115B117	LÊ BẢO	MINH	Nam	08/09/2002	Thành phố Hà Nội	K2020B	2.17	6.47	86	Tốt	Trung bình
43	205115B143	NGUYỄN NHẬT	MINH	Nam	11/10/2002	Ninh Bình	K2020B	2.02	6.11	85	Tốt	Trung bình
44	205115E471	NGÔ THỊ TRÀ	MY	Nữ	30/06/2002	Phú Thọ	K2020E	2.43	6.80	85	Tốt	Trung bình
45	205115B169	NGUYỄN TRÀ	MY	Nữ	29/12/2002	Lào Cai	K2020B	2.24	6.61	85	Tốt	Trung bình
46	205115A042	TẠ HOÀI	NAM	Nam	13/07/2002	Thành phố Hải Phòng	K2020A	2.24	6.51	82	Tốt	Trung bình
47	205115D396	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	Nữ	01/05/2002	Ninh Bình	K2020D	2.51	6.89	87	Tốt	Khá
48	205115E423	ĐÀO HẠNH	NGUYÊN	Nữ	03/09/2002	Quảng Ninh	K2020E	2.50	6.96	88	Tốt	Khá
49	205115D397	ĐẶNG ĐỨC	NHẬT	Nam	08/12/2002	Thành phố Hà Nội	K2020D	2.29	6.64	87	Tốt	Trung bình
50	205115A094	NGUYỄN MINH	NHẬT	Nam	11/10/2002	Hà Tĩnh	K2020A	2.24	6.52	85	Tốt	Trung bình
51	205115A044	NGUYỄN THỊ	NHUNG	Nữ	04/10/2001	Nghệ An	K2020A	2.02	6.27	82	Tốt	Trung bình
52	205115D348	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	09/02/2002	Hà Tĩnh	K2020D	2.51	6.93	86	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Điểm TN		Điểm RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								Điểm TBC *Thang 4*	Điểm TBC *Thang 10*			
53	205115D374	PHẠM THỊ KIM	OANH	Nữ	21/02/2001	Gia Lai	K2020D	2.52	6.97	80	Tốt	Khá
54	205115B146	NGUYỄN QUANG	PHÁT	Nam	09/11/2002	Thành phố Hà Nội	K2020B	2.29	6.60	84	Tốt	Trung bình
55	205115C222	LÊ BÁCH	PHI	Nam	23/08/1999	Thành phố Hà Nội	K2020C	2.11	6.28	82	Tốt	Trung bình
56	205115D375	MÃ THỊ THU	PHƯƠNG	Nữ	19/06/2002	Lạng Sơn	K2020D	2.06	6.17	86	Tốt	Trung bình
57	205115B121	GIÁP THỊ	PHƯỢNG	Nữ	20/04/2001	Bắc Ninh	K2020B	2.00	6.19	87	Tốt	Trung bình
58	205115B173	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	Nữ	03/06/2002	Hưng Yên	K2020B	2.30	6.61	84	Tốt	Trung bình
59	205115E477	NGUYỄN VĂN TIẾN	TÀI	Nam	20/12/2002	Thành phố Hà Nội	K2020E	2.18	6.38	84	Tốt	Trung bình
60	185115E491	LÊ THỊ	THẮM	Nữ	25/09/1990	Bắc Ninh	K2020E	2.44	6.93	82	Tốt	Trung bình
61	205115A098	NGÔ QUANG	THẮNG	Nam	17/12/2002	Bắc Ninh	K2020A	2.29	6.63	82	Tốt	Trung bình
62	205115D325	PHẠM PHƯƠNG	THANH	Nam	07/05/2001	Phú Thọ	K2020D	2.48	6.89	90	Xuất sắc	Trung bình
63	205115A097	ĐẶNG TIẾN	THÀNH	Nam	29/11/2002	Phú Thọ	K2020A	2.03	6.15	84	Tốt	Trung bình
64	205115B123	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	Nữ	10/04/2002	Sơn La	K2020B	2.35	6.66	85	Tốt	Trung bình
65	205115D352	VŨ HẢI	THỊNH	Nam	08/04/2002	Phú Thọ	K2020D	2.21	6.55	88	Tốt	Trung bình
66	205115B201	LÊ THỊ DIỆU	THU	Nữ	21/09/2002	Phú Thọ	K2020B	2.48	6.85	83	Tốt	Trung bình
67	205115A073	BÙI THÚY	THƯƠNG	Nữ	04/03/2002	Ninh Bình	K2020A	2.17	6.44	84	Tốt	Trung bình
68	205115B176	DƯƠNG THỊ	THƯƠNG	Nữ	10/03/2002	Quảng Trị	K2020B	2.18	6.39	87	Tốt	Trung bình
69	205115A023	NGUYỄN VĂN	TIẾN	Nam	12/04/2002	Thanh Hóa	K2020A	2.06	6.31	85	Tốt	Trung bình
70	205115B202	MAI QUỲNH	TRANG	Nữ	12/09/2002	Thành phố Hà Nội	K2020B	2.63	7.10	84	Tốt	Khá
71	205115B127	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	14/12/2002	Thành phố Hà Nội	K2020B	2.05	6.24	84	Tốt	Trung bình
72	205115C227	LÊ NGUYỄN MẠNH	TƯỜNG	Nam	04/08/2001	Vĩnh Long	K2020C	2.14	6.54	82	Tốt	Trung bình
73	205115C255	Chú Thị	Vân	Nữ	20/10/2001	Bắc Ninh	K2020C	2.01	6.19	83	Tốt	Trung bình
74	205115D356	Lò Hà	Vân	Nữ	29/07/2001	Phú Thọ	K2020D	2.03	6.23	83	Tốt	Trung bình
75	205115A076	ĐỖ THỊ CẨM	VÂN	Nữ	20/07/2002	Hưng Yên	K2020A	2.23	6.53	87	Tốt	Trung bình
76	205115D330	ĐOÀN HẢI	VÂN	Nữ	01/04/2002	Ninh Bình	K2020D	2.51	6.97	88	Tốt	Khá
77	205115B179	NGUYỄN THỊ THẢO	VÂN	Nữ	18/07/2002	Sơn La	K2020B	2.49	6.82	85	Tốt	Trung bình
78	205115C229	TẨN CHẨN	VẠN	Nam	06/01/2002	Lào Cai	K2020C	2.30	6.62	83	Tốt	Trung bình
79	205115B204	Phạm Thị Yến	Vi	Nữ	25/10/2001	Lâm Đồng	K2020B	2.06	6.34	84	Tốt	Trung bình
80	205115A026	NGUYỄN TƯỜNG	VY	Nữ	08/09/2002	Lào Cai	K2020A	2.32	6.80	84	Tốt	Trung bình
81	205115D331	DƯƠNG HOÀNG	YẾN	Nữ	05/05/2002	Thành phố Đà Nẵng	K2020D	2.17	6.41	87	Tốt	Trung bình